

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 12- 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77B/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số số 51B/2024/QĐ-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Ấp Nhụy C, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh B

Bị đơn: Ông Thái Hoàng Gi, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Châu Th, tỉnh Hậu Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà và ông Gi quen biết nhau từ năm 2006, tìm hiểu tự nguyện

tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Gi ngày 05 tháng 09 năm 2008.

Thời gian đầu bà và ông Gi chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống. Bà Gi và ông Gi đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do mâu thuẫn không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Thái Hoàng Giang.

Về con chung: Có 02 con chung; cháu Thái Ngọc Thạch (nam; sinh ngày 08/07/2007); cháu Thái Thị Anh Thư (nữ; sinh ngày 21/12/2009), từ khi ông bà ly thân đến nay thì cháu Thạch sống chung với bà Nhẹ, cháu Thư đang sống chung với ông Giang.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung với: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Thái Hoàng Gi đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Thái Hoàng Giang. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thái Ngọc Thạch (nam; sinh ngày 08/07/2007) cho bà Nguyễn Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét; giao cháu Thái Thị Anh Thư (nữ; sinh ngày 21/12/2009) cho ông Thái Hoàng Gi tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Gi không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra viện kiểm sát còn phát biểu về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Bà Nh, Ông Gi tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nên bà Nh nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Gi ngày 05/09/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; từ đó ông bà ly thân từ tháng 2017 cho đến nay. Ông Gi và bà Nh không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, xét thấy từ khi ly thân đến nay cả ông bà đều không còn liên hệ nhau cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông Gi là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung cháu Thái Ngọc Thạch (nam; sinh ngày 08/07/2007); cháu Thái Thị Anh Thư (nữ; sinh ngày 21/12/2009), từ khi ông bà ly thân đến nay thì cháu Thạch sống chung với bà Nh, cháu Thư đang sống chung với ông Gi. Do đó, để tránh xáo trộn về cuộc sống, chỗ ở hiện tại các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Thư cho ông Gi nuôi dưỡng, giao cháu Thạch cho bà Gi tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng các cháu, các bên chưa yêu cầu nuôi dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh xác định không yêu cầu giải quyết. nên không xem xét nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Thái Hoàng Gi.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thái Ngọc Th (nam; sinh ngày 08/07/2007) cho bà Nguyễn Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét; giao cháu Thái Thị Anh Th (nữ; sinh ngày 21/12/2009) cho ông Thái Hoàng Gi tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Gi không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai số 0003249 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (bà Nh đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã Phú Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hường